

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỀU KIỆN
CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
KHÓA 11/2017, NGÀY THI 01/12/2017

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /QĐ-TTCNTT-TT ngày 05 tháng 12 năm 2017
của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông*

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Kết quả	Ghi chú
					LT	TH		
1	cbk11_001	Đậu Quý Anh	29/01/1994	Quảng Bình	7,9	9,0	Đạt	
2	cbk11_002	Phạm Hoàng Thúy Anh	28/6/1991	Quảng Bình	10	10	Đạt	
3	cbk11_003	Dương Thị Bình	11/9/1981	Quảng Bình	7,9	9,0	Đạt	
4	cbk11_004	Hồ Nhật Bình	06/10/1970	Quảng Bình	7,1	9,0	Đạt	
5	cbk11_005	Nguyễn Đăng Bình	14/9/1960	Quảng Bình	9,2	9,5	Đạt	
6	cbk11_006	Bùi Mạnh Cường	01/10/1980	Quảng Bình	9,2	9,5	Đạt	
7	cbk11_007	Nguyễn Đức Cường	20/01/1977	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	
8	cbk11_008	Trần Đại Cường	20/02/1982	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	
9	cbk11_009	Lê Minh Châu	06/01/1978	Quảng Bình	9,6	9,0	Đạt	
10	cbk11_010	Trần Khánh Chi	14/9/1992	Quảng Bình	8,8	9,5	Đạt	
11	cbk11_011	Trần Hữu Dân	17/01/1974	Quảng Bình	10	9,5	Đạt	
12	cbk11_012	Nguyễn Thị Minh Diệu	08/12/1996	Quảng Bình	5,4	8,5	Đạt	
13	cbk11_013	Phan Anh Doãn	04/5/1967	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	
14	cbk11_014	Phạm Tiến Duật	20/12/1973	Quảng Bình	9,6	9,5	Đạt	
15	cbk11_015	Đỗ Văn Đức	01/01/1978	Quảng Bình	10	10	Đạt	
16	cbk11_016	Võ Hồng Giang	03/12/1977	Quảng Bình	9,2	9,5	Đạt	
17	cbk11_017	Đặng Thị Lệ Hà	22/3/1980	Hà Nội	7,5	9,5	Đạt	
18	cbk11_018	Nguyễn Thị Thu Hà	23/02/1976	Quảng Bình	9,6	9,0	Đạt	
19	cbk11_019	Trần Thanh Hà	20/01/1995	Wriezen - Đức	8,3	9,0	Đạt	
20	cbk11_020	Võ Thị Hà	14/12/1970	Quảng Bình	10	9,5	Đạt	
21	cbk11_021	Phan Hồng Hải	12/12/1971	Quảng Bình	9,6	9,5	Đạt	
22	cbk11_022	Võ Mạnh Hào	01/01/1982	Huế	9,6	9,5	Đạt	
23	cbk11_023	Bùi Thị Thu Hằng	09/4/1979	Quảng Bình	9,6	9,5	Đạt	
24	cbk11_024	Cao Thị Mỹ Hằng	15/10/1989	Quảng Bình	7,9	9,0	Đạt	
25	cbk11_025	Đặng Thị Diệu Hằng	20/02/1988	Quảng Bình	7,5	9,5	Đạt	
26	cbk11_026	Lê Thị Thúy Hằng	05/7/1991	Quảng Bình	5,4	9,0	Đạt	
27	cbk11_027	Phan Thị Hiền	10/10/1976	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	
28	cbk11_028	Nguyễn Hoàng Hiệp	21/7/1978	Quảng Bình	7,1	9,0	Đạt	
29	cbk11_029	Bùi Xuân Hoàng	30/10/1981	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	
30	cbk11_030	Lê Quang Hoạt	10/01/1973	Quảng Bình	9,6	9,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Kết quả	Ghi chú
						LT	TH		
31	cbk11_031	Nguyễn Quang	Hợp	16/10/1980	Quảng Bình	7,1	9,5	Đạt	
32	cbk11_032	Dương Văn	Hùng	02/3/1966	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	
33	cbk11_033	Trần Xuân	Hùng	28/4/1986	Quảng Bình	8,8	9,5	Đạt	
34	cbk11_034	Vũ Anh	Hùng	04/5/1978	Quảng Bình	9,2	9,0	Đạt	
35	cbk11_035	Phạm Thị Thanh	Huyền	30/01/1983	Quảng Bình	10	9,0	Đạt	
36	cbk11_036	Nguyễn Quốc	Khánh	05/02/1982	Quảng Bình	9,6	9,0	Đạt	
37	cbk11_037	Nguyễn Thị	Liên	22/10/1979	Quảng Bình	7,9	9,0	Đạt	
38	cbk11_038	Nguyễn Thị	Liên	17/10/1985	Quảng Bình	8,3	9,5	Đạt	
39	cbk11_039	Nguyễn Lưu Thùy	Linh	24/3/1995	Quảng Bình	7,1	9,0	Đạt	
40	cbk11_040	Đặng Thị Huyền	Loan	28/3/1980	Quảng Bình	10	9,5	Đạt	
41	cbk11_041	Bùi Thị Tuyết	Mai	03/4/1977	Quảng Bình	8,8	9,5	Đạt	
42	cbk11_042	Hoàng Thị	Mai	03/4/1978	Quảng Bình	9,2	9,5	Đạt	
43	cbk11_043	Nguyễn Thị Thanh	Nga	08/8/1986	Quảng Trị	7,5	8,5	Đạt	
44	cbk11_044	Nguyễn Xuân	Ngọc	21/5/1976	Quảng Bình	10	10	Đạt	
45	cbk11_045	Phan Thị Thùy	Nhung	06/6/1991	Quảng Bình	8,3	9,5	Đạt	
46	cbk11_046	Nguyễn Minh	Phương	25/5/1977	Quảng Bình	9,6	9,0	Đạt	
47	cbk11_047	Phạm Thái	Quý	26/01/1974	Quảng Bình	8,8	10	Đạt	
48	cbk11_048	Nguyễn Ngọc	Quyền	15/6/1981	Quảng Bình	7,9	9,0	Đạt	
49	cbk11_049	Dương Thị Như	Quỳnh	25/12/1983	Quảng Bình	7,9	10	Đạt	
50	cbk11_050	Nguyễn Minh	Tâm	19/3/1972	Quảng Bình	10	9,0	Đạt	
51	cbk11_051	Phạm Thanh	Tân	10/02/1971	Quảng Bình	10	9,5	Đạt	
52	cbk11_052	Nguyễn Mạnh	Tuấn	25/7/1986	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	
53	cbk11_053	Nguyễn Văn	Túc	27/01/1976	Quảng Bình	9,6	9,5	Đạt	
54	cbk11_054	Trần Sơn	Tùng	21/11/1979	Huế	10	9,0	Đạt	
55	cbk11_055	Nguyễn Thị	Tương	04/10/1994	Quảng Bình	10	9,5	Đạt	
56	cbk11_056	Võ Ngọc	Thanh	01/01/1973	Quảng Bình	9,6	10	Đạt	
57	cbk11_057	Nguyễn Bá	Thành	25/8/1978	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	
58	cbk11_058	Nguyễn Trung	Thành	20/4/1982	Quảng Bình	9,2	9,0	Đạt	
59	cbk11_059	Đặng Thị Hồng	Thảo	01/5/1986	Quảng Bình	8,8	10	Đạt	
60	cbk11_060	Lê Vĩnh	Thế	28/11/1976	Quảng Bình	10	10	Đạt	
61	cbk11_061	Hà Thị Hoài	Thu	26/7/1990	Quảng Bình	8,8	9,5	Đạt	
62	cbk11_062	Nguyễn Văn	Ước	29/8/1966	Quảng Bình	9,6	9,0	Đạt	
63	cbk11_063	Nguyễn Hoàng	Vũ	13/12/1984	Quảng Bình	9,6	10	Đạt	
64	cbk11_064	Trần Xuân	Vũ	01/02/1966	Quảng Bình	9,6	9,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Kết quả	Ghi chú
					LT	TH		

(Ấn định danh sách này gồm 64 thí sinh)